



Cơ quan: Sở Tư pháp
Email: tuphap@tuyenquang.gov.vn
Thời gian ký: 17.05.2020
16:59:41 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11 /2012/QĐ-UBND
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ngày 15 tháng 6 năm 2012

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 6 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về việc phân chia tiền bồi thường tài sản vườn chè của nhà nước khi nhà nước thu hồi đất vườn chè đã giao khoán cho các hộ làm chè tại các Công ty cổ phần chè trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh;

Căn cứ Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh;

Xét đề nghị của Liên Sở: Tài chính - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 527/TTrLS: TC-NN ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc phân chia tiền bồi thường tài sản vườn chè của nhà nước khi nhà nước thu hồi đất vườn chè đã giao khoán cho các hộ làm chè tại các Công ty cổ phần chè trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc phân chia tiền bồi thường tài sản vườn chè của nhà nước khi nhà nước thu hồi đất vườn chè đã giao khoán cho các hộ làm chè tại các Công ty cổ phần chè trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc các công ty cổ phần chèo; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *AS*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Cục KTVBQPPL;
- Bộ Tài chính;
- Bộ NN và PTNT
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMT và các Đoàn thể tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- CV: TC, TH;
- Lưu VT (Hưng 120).

(Báo
cáo);

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Thực

QUY ĐỊNH

Về việc phân chia tiền bồi thường tài sản vườn chè của
nhà nước khi nhà nước thu hồi đất có vườn chè đã giao khoán
cho các hộ làm chè trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 11/2012/QĐ-UBND
ngày 12/6/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Vườn chè hiện nay nhà nước đang cho các Công ty cổ phần chè trên địa bàn tỉnh thuê là tài sản của nhà nước đầu tư khi thành lập doanh nghiệp nhà nước. Sau khi các Công ty chè thực hiện cổ phần hóa, toàn bộ tài sản vườn chè, ao hồ của nhà nước không tính vào giá trị doanh nghiệp để bán mà thực hiện cho thuê với mục tiêu nhằm quản lý có hiệu quả tài nguyên đất và vùng nguyên liệu chè trên địa bàn tỉnh.

Văn bản này quy định việc phân chia tiền bồi thường tài sản vườn chè của nhà nước, hiện nay đang cho các công ty cổ phần chè (được cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước) thuê tài sản và đã ký hợp đồng giao khoán với các hộ nhận khoán theo quy định của pháp luật, khi nhà nước thu hồi đất có vườn chè để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chủ sở hữu tài sản nhà nước; các cơ quan quản lý nhà nước (các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố).
2. Bên giao khoán vườn chè: Các công ty chè (nay là công ty cổ phần chè)
3. Bên nhận khoán vườn chè: Các hộ nhận khoán là công nhân của các công ty chè (nay là công ty cổ phần chè) đã ký hợp đồng giao khoán với công ty chè theo Nghị định số 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ và Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ.
4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến tài sản của nhà nước.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguyên tắc phân chia tiền bồi thường tài sản khi nhà nước thu hồi đất có vườn chè của nhà nước mà các hộ nhận khoán theo hợp đồng giao khoán với các Công ty cổ phần chè.

Khi nhà nước có Quyết định thu hồi đất, số tiền bồi thường tài sản là vườn chè được thực hiện phân chia đối với các bên có liên quan phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1- Thu hồi vốn nhà nước đã đầu tư tại doanh nghiệp chè trước khi thực hiện cổ phần hóa, đồng thời đảm bảo lợi ích của các hộ nhận khoán đã đầu tư thâm canh làm tăng năng suất vườn chè.

2- Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của nhà nước và các hộ nhận khoán trên cơ sở hợp đồng giao khoán mà các hộ nhận khoán đã ký với Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

3- Đối với giá trị vườn chè giao khoán, hộ nhận khoán đã nộp cho Công ty theo nội dung hợp đồng giao khoán đã ký. Các công ty cổ phần chè có trách nhiệm xác định cụ thể số tiền hộ nhận khoán phải nộp, đã nộp đến thời điểm nhà nước thu hồi đất và được xử lý như sau:

a) Đến thời điểm nhà nước thu hồi đất, hộ nhận khoán đã nộp đủ số tiền nhận khoán phải nộp theo quy định tại hợp đồng giao khoán thì được phân chia tiền bồi thường theo quy định này.

b) Trường hợp hộ nhận khoán chưa nộp đủ số tiền theo quy định thì số còn thiếu, phải được trừ vào tổng số tiền bồi thường trước khi phân chia cho các bên.

c) Đến thời điểm nhà nước thu hồi đất, nếu hộ nhận khoán nộp thừa số tiền phải nộp theo quy định tại hợp đồng giao khoán, thì các Công ty cổ phần chè có trách nhiệm xác định số tiền hộ nhận khoán đã nộp thừa theo hợp đồng và hoàn trả lại số tiền nộp thừa cho các hộ nhận khoán.

Điều 4. Phương pháp phân chia tiền bồi thường tài sản khi nhà nước thu hồi đất

1. Các khoản tiền hộ nhận khoán vườn chè được hưởng gồm:

a) 100% số tiền bồi thường đối với tài sản ngoài cây chè do hộ nhận khoán đầu tư tăng thêm kể từ khi ký hợp đồng nhận giao khoán trên đất nhận khoán bị thu hồi nhưng phải có xác nhận và có biên bản nghiệm thu của bên giao khoán.

b) Giá trị vườn chè do đầu tư thâm canh làm tăng năng suất vườn chè được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền hộ} \\ \text{nhận khoán} \\ \text{được hưởng} \\ \text{do đầu tư} \\ \text{tăng năng} \\ \text{suất vườn} \\ \text{chè} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Năng suất vườn} \\ \text{chè khi nhà nước} \\ \text{thu hồi} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Năng suất vườn} \\ \text{chè khi giao cho các} \\ \text{hộ nhận khoán} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Năng suất vườn chè khi nhà nước thu hồi} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Tổng số tiền bồi} \\ \text{thường theo Quyết} \\ \text{định của nhà nước} \\ \text{cho vườn chè bị thu} \\ \text{hồi được phân chia} \end{array}$$

Trong đó:

- Tổng số tiền bồi thường theo Quyết định của nhà nước cho vườn chè bị thu hồi được phân chia = Tổng số tiền bồi thường theo Quyết định của nhà nước cho vườn chè bị thu hồi - (trừ đi) giá trị còn lại của tài sản vườn chè trên sổ sách kế toán.

- Năng suất vườn chè khi nhà nước thu hồi: Được đánh giá theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phương pháp xác định năng suất vườn chè tại các công ty cổ phần chè trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Các khoản tiền nhà nước thu hồi gồm:

a) Số tiền do nhà nước đầu tư (kể cả đầu tư ngoài cây chè) tại thời điểm các công ty ký hợp đồng giao khoán với các hộ và giá trị còn lại của tài sản là vườn chè trên sổ sách kế toán.

b) Tiền bồi thường nhà nước thu hồi lại từ vườn chè đã đầu tư được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền nhà} \\ \text{nước thu hồi} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Năng suất của vườn chè khi} \\ \text{giao khoán} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Năng suất vườn chè khi thu hồi} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Tổng số tiền bồi thường} \\ \text{theo Quyết định của nhà} \\ \text{nước cho vườn chè bị} \\ \text{thu hồi được phân chia} \end{array}$$

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 5. Trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Sở Tài chính là đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ quản lý tài sản vườn chè của nhà nước tại các công ty cổ phần chè, có trách nhiệm chủ trì và phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn việc thực hiện Quy định này.

b) Phối hợp với các ngành chức năng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các công ty cổ phần chè thực hiện kiểm kê, đánh giá tài sản vườn chè của nhà nước trên đất bị thu hồi và thực hiện phân chia tiền bồi thường tài sản là vườn chè đã giao khoán cho các hộ theo quy định.

c) Quản lý, theo dõi các khoản tiền đền bù tài sản là vườn chè của nhà nước trên đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hướng dẫn việc đánh giá, xác định năng suất vườn chè khi nhà nước thu hồi đất có vườn chè đã giao khoán cho các hộ tại các công ty cổ phần chè trên địa bàn.

b) Phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các công ty cổ phần chè có đất vườn chè của nhà nước bị thu hồi thực hiện kiểm kê, đánh giá tài sản vườn chè của nhà nước khi bị thu hồi.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Có trách nhiệm thực hiện kiểm kê, đánh giá, tính toán số tiền đền bù tài sản khi nhà nước thu hồi đất có vườn chè đã giao khoán cho các hộ làm chè đảm bảo chính xác, chặt chẽ, đúng pháp luật.

4. Các công ty cổ phần chè

Có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản là vườn chè, ao hồ của nhà nước đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Phối hợp chặt chẽ với các ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong công tác kiểm kê, đánh giá tài sản khi nhà nước thu hồi đất có vườn chè đã giao khoán cho các hộ làm chè tại công ty.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết, các cơ quan, đơn vị phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản để xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Thục